

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 22/02/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp của Công ty công nghiệp hóa chất mỏ Cẩm Phả tại phường Mông Dương, thị xã Cẩm Phả (nay là thành phố Cẩm Phả);

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 1618/QĐ-UBND ngày 25/5/2011 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án Đầu tư xây dựng công trình sản xuất thuốc nổ nhũ tương rời; số 2944/QĐ-UBND ngày 19/9/2011 về việc sửa đổi tên chủ dự án trong Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng công trình sản xuất thuốc nổ nhũ tương rời;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Tổng Công ty công nghiệp hóa chất mỏ - Vinacomin (ủy quyền cho Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Việt Bắc - MICCO) số 431/VBMICCO-CĐĐT ngày 05/02/2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 52/TTr-TNMT ngày 22/02/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin, địa chỉ tại số 1, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở sản xuất thuốc nổ nhũ tương rời tại phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án đầu tư:

1.1. Tên cơ sở: Cơ sở sản xuất thuốc nổ nhũ tương rời.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tại phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0100101072 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/6/2003 đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 20/12/2021.

1.4. Mã số thuế: 0100101072.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất thuốc nổ nhũ tương rời.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Diện tích của cơ sở khoảng 2,13 ha.

- Công suất của cơ sở khoảng 20.000 tấn/năm thuốc nổ nhũ tương rời (tương đương 15.000 tấn nhũ tương nền/năm).

(chi tiết thể hiện tại quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án của UBND tỉnh được phê duyệt theo thẩm quyền).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra ngoài môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô

nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Cẩm Phả nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép tối đa là 10 năm (kể từ ngày Giấy phép có hiệu lực thi hành), nhưng không vượt thời hạn thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận theo quy định.

Giấy phép môi trường thành phần là Giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành số 3876/GXN-TNMT ngày 27/12/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Cẩm Phả và các sở, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh về tính hợp lý, hợp pháp, chính xác của các thông tin, số liệu và các nội dung bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường được duyệt.

- UBND thành phố Cẩm Phả chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh trong việc giám sát quá trình hoạt động dự án bảo quy định hiện thành; thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND thành phố Cẩm Phả; Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
 - CT, các PCT UBND tỉnh (b/c);
 - Trung tâm PV HCC tỉnh;
 - Công TTĐT Sở TN&MT (đăng tải);
 - V0, V1-3, MT;
 - Lưu: VT, MT;
- 10 bản, M-QĐ 35

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

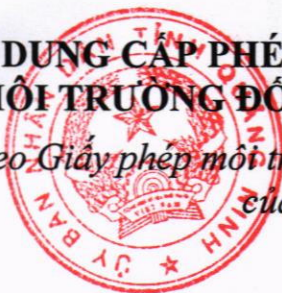


Vũ Văn Diện

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 675/GPMT-UBND ngày 08/3/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh)



A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh của xưởng sản xuất, với lưu lượng 0,5m³/ngày đêm.
- Nguồn số 02: Nước thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động vệ sinh sàn nhà, vệ sinh chân tay công nhân sau ca làm việc tại nhà xưởng sản xuất, với lưu lượng 02 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 03: Nước rửa trôi bề mặt nhiễm dầu từ khu vực cấp dầu phát sinh với lưu lượng lớn nhất 0,3 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 04: Nước thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động vệ sinh sàn nhà, nước vệ sinh chân tay công nhân của Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Cẩm Phả (đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 10 m³/ngày đêm của cơ sở), với lưu lượng 2,5m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Khe Chàm (chảy về sông Mông Dương) tại khu 13, phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải: Suối Khe Chàm tại khu 13, phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh: X= 2328851; Y= 452903 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰45', múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 10 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công suất 10m³/ngày đêm theo đường ống nhựa bơm cưỡng bức xả về suối Khe Chàm.

- Hình thức xả: Bơm cưỡng bức, xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: không liên tục, xả hàng ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải: Nước thải sau xử lý trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn QCVN 3:2020/QN – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp (cột B), giá trị C, K_q=0,9; K_f= 1,2, K_{QN}= 0,95, và QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K=1,2) cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCĐP 3:2020/QN	QCVN 14:2008/BTNMT		
1	Nhiệt độ	°C	40	-	Không thuộc đối tượng quan trắc môi trường định kỳ (theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).
2	Màu	Pt/Co	150	-		
3	pH	-	5,5 đến 9	5 đến 9		
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	51,3	60		
5	COD	mg/l	153,9	-		
6	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	102,6	120		
7	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	-	1.200		
8	Asen (As)	mg/l	0,1026	-		
9	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,01026	-		
10	Chì (Pb)	mg/l	0,513	-		
11	Cadimi (Cd)	mg/l	0,1026	-		
12	Tổng phenol	mg/l	0,513	-		
13	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,26	-		
14	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	-	24		
15	Sunfua	mg/l	0,513	4,8		
16	Amoni (tính theo N)	mg/l	10,26	12		
17	Nitrat	mg/l	-	60		
18	Tổng nitơ (tính theo N)	mg/l	41,04	-		
19	Tổng phot pho (tính theo P)	mg/l	6,156	-		
20	Phosphat	mg/l	-	12		
21	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	-	12		
22	Clorua	mg/l	1.026	-		
23	Coliform	VK/100ml	5.000	5.000		

Ghi chú: Khuyến khích Chủ cơ sở thực hiện giám sát môi trường định kỳ tại cửa xả nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung; tần suất: 03 tháng/lần để tự kiểm soát công tác bảo vệ môi trường.

(chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa

về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh của xưởng sản xuất của Cơ sở sản xuất thuốc nổ nhũ tương rời được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn, sau đó tự chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $10\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nguồn số 02: Nước thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động vệ sinh sàn nhà, vệ sinh chân tay công nhân sau ca làm việc tại nhà xưởng sản xuất được thu gom tự chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $10\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nguồn số 03: Nước rửa trôi bề mặt nhiễm dầu khu vực cấp dầu được thu gom bằng rãnh thu bê tông về bể tách dầu để xử lý sơ bộ, sau đó, tự chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $10\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nguồn số 04: Nước thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động vệ sinh sàn nhà, nước vệ sinh chân tay công nhân sau ca làm việc của Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Cẩm Phả được bơm cưỡng bức về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $10\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại 3 ngăn:

- Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → ngăn chứa (vi sinh vật phân hủy chất thải thành bùn) → ngăn lọc (lọc các chất thải lơ lửng) → ngăn lắng (lắng chất thải không thể phân hủy được) → nước thải sau xử lý sơ bộ.

- Công suất thiết kế: 01 bể dung tích 10m^3 .

1.2.2. Bể tách dầu:

Quy trình công nghệ: Nước thải rửa trôi bề mặt nhiễm dầu → Ngăn tách dầu → Ngăn lắng → nước thải sau xử lý sơ bộ.

- Công suất thiết kế: 01 bể dung tích $1,6\text{m}^3$.

- Công nghệ: Lắng trọng lực.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Thảm thấm dầu (hoặc các hóa chất tương đương đảm bảo chất lượng nước sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh chất ô nhiễm quy định tại mục 2.3.3 phần A, phụ lục này).

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Công nghệ: Hóa lý kết hợp sinh học.

- Công suất thiết kế: $10\text{m}^3/\text{ngày đêm}$;

- Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (sau xử lý sơ bộ qua bể tự hoại), Nước rửa trôi bề mặt nhiễm dầu khu vực cấp phát dầu (sau xử lý sơ bộ qua bể tách dầu), Nước thải công nghiệp của cơ sở sản xuất thuốc nổ nhũ tương rời (sau bể thu gom có ngăn tách dầu) và Nước thải công nghiệp (cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Cẩm Phả) → Bể điều hòa tách dầu → Bể yếm khí → Thiết bị lắng sơ cấp → Thiết bị Aeroten → Thiết bị lọc hấp phụ → bể thủy sinh trồng cỏ ventiver → Nguồn tiếp nhận.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAM 101-0,1%, cỏ ventiver (hoặc các hóa chất tương đương đảm bảo chất lượng nước sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh chất ô nhiễm quy định tại mục 2.3.3 phần A, phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, nạo vét, gia cố, cải tạo hệ thống thu, thoát nước, đường ống công nghệ, thiết bị, các bể xử lý đảm bảo công năng hiện có và hiệu quả xử lý của công trình, không để xảy ra tình trạng rò rỉ, ngấm nước thải, tránh tình trạng tắc nghẽn, chảy tràn ra ngoài môi trường, kịp thời ứng phó khi xảy ra sự cố. Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống.

- Thường xuyên tập huấn cho nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải về chương trình vận hành và bảo dưỡng của trạm.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố hệ thống xử lý nước thải không đạt yêu cầu, nước thải đầu ra sẽ được lưu chứa tại bể điều hòa. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu giữ, luân chuyển trong các bể của hệ thống xử lý nước thải. Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, sẽ tạm dừng sản xuất để khắc phục sự cố.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các thông số môi trường đạt tiêu chuẩn cho phép mới được xả thải. Định kỳ, tiến hành kiểm tra một số chỉ tiêu chính của nước thải tại đầu ra để theo dõi các hoạt động của các công trình xử lý nước thải. Nếu có vấn đề phát sinh, có biện pháp kịp thời để điều chỉnh hoạt động của các công trình xử lý nước thải.

(chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm h khoản 1 điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường và thường xuyên nạo vét, kiểm tra hệ thống thu, thoát, xử lý nước thải, đảm bảo không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố. Điểm xả phải thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải, lắp đặt biển báo. Nghiêm cấm mọi hành vi xả

nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn môi trường hiện hành ra môi trường.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất đảm bảo vận hành thường xuyên, có hiệu quả các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của cơ sở.

3.3. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành của cơ sở.

3.4. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác phòng chống và ứng phó sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình vận hành các công trình thu gom, xử lý, thoát nước thải sinh hoạt của cơ sở./.

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **675** /GPMT-UBND ngày **08** / **3** /2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi đốt dầu DO.

2. Dòng khí thải, vị trí phát sinh khí thải.

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng số 01: Tương ứng với ống thoát khí thải của lò hơi đốt dầu DO, tọa độ vị trí xả khí thải: $X = 2329150$; $Y = 452883$ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

- Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của cơ sở, tại phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $2.000\text{m}^3/\text{h}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả thải khi sử dụng, không liên tục.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường:

- Dòng số 01: Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đối với khí thải: QCVN 5:2020/QN – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ tỉnh Quảng Ninh ($K_p=1,0$; $K_v=0,8$).

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	160	Không thuộc đối tượng quan trắc môi trường định kỳ (theo quy định tại Khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ)
2	CO	mg/Nm^3	800		
3	SO ₂	mg/Nm^3	400		
4	NO _x (cơ sở sản xuất hóa chất), tính theo NO ₂	mg/Nm^3	800		

(chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải từ nguồn số 01: Được thu gom và xả trực tiếp ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Không có.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi có sự cố xảy ra.

(chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Công trình không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải theo quy định tại điểm c, khoản 1, điều 31, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính Phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn của chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Khí thải phát sinh từ nồi hơi đốt dầu DO không yêu cầu hệ thống xử lý khí thải, tuy nhiên, nhiên liệu sử dụng phải là nhiên liệu sạch, đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa, hoạt động của cơ sở đạt yêu cầu về chất lượng khí thải quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất, đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 675 /GPMT-UBND ngày 08 / 3 /2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Hoạt động của khu vực nhà nồi hơi.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Nguồn số 01: Khu vực nhà nồi hơi, tọa độ X = 2329150; Y = 452883 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°).

3. Giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung (dB)		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

(chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng (kiểm tra độ mòn chi tiết, tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi bám...) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

1.2. Nền bệ máy thiết bị phải bằng phẳng và chắc chắn nhằm tránh gây ra

hiện tượng cộng hưởng rung động, giảm thiểu rung lắc.

(chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **675** /GPMT-UBND ngày **08** / **3** /2024
của UBND tỉnh Quảng Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 28.780kg/năm.

TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	2
2	Các loại dầu thủy lực thải khác	Lỏng	17 01 07	500
3	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 04	1.500
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	500
5	Ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	500
6	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	Rắn	15 01 02	500
7	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH)	Rắn	18 01 02	20.000
8	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH)	Rắn	18 01 03	5.000
9	Các chi tiết, bộ phận phanh có amiăng	Rắn	15 01 06	5
10	Chất thải lẫn dầu (gioăng phốt dĩnh dầu, ống thủy lực)	Rắn	19 07 01	200
11	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	Bùn	12 06 05	73
Tổng khối lượng				28.780

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Nhóm CTRCNTT	Số lượng (kg/năm)
1	Bao bì mềm thải (vỏ bao PP, PE)	40.000
2	Lốp thải	1.500
Tổng khối lượng		41.500

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt (túi nilon, vỏ lon) ước tính 720 kg/năm.

(chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các thùng phuy sắt có nắp đậy kín dung tích 200l/thùng, có dán mã, tên loại chất thải lưu chứa.

- Thiết bị lưu chứa phải đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Chất thải nguy hại được thu gom về lưu giữ tại 02 kho lưu chứa chất thải nguy hại của Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Cẩm Phả.

- Kho lưu chứa phải đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1.3. Thực hiện quản lý chất thải nguy hại theo quy định tại Điều 72, Điều 83 của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020; Điều 56, Điều 68, Điều 69, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Điều 24, Điều 25, Điều 35 của Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 02 thùng và 02 xe đẩy rác 120 lít tại văn phòng và trước cổng ra vào cơ sở. Hàng ngày đơn vị thu gom rác thải đến vận chuyển, xử lý theo hợp đồng.

- Thiết bị lưu chứa phải đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và

Môi trường.

2.2.2. Kho lưu chứa: Không có.

2.2.3. Thực hiện quản lý chất thải sinh hoạt theo quy định tại Điều 72, Điều 73, Điều 75 của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020; Điều 56, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Điều 24, Điều 25, Điều 26 của Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các bao bì mềm thải (PP, PE), lớp thải được lưu giữ tại kho chất thải rắn công nghiệp của Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Cẩm Phả. Hàng ngày đơn vị thu gom chất thải đến vận chuyển, xử lý theo hợp đồng.

- Thiết bị, dụng cụ lưu chứa phải đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà: 01 kho lưu chứa chất thải công nghiệp của Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Cẩm Phả.

- Kho lưu chứa đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 3, Điều 33 của Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.3.3 Thực hiện quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định tại Điều 72, Điều 73, Điều 81 của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020; Điều 56, Điều 65, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Điều 24, Điều 33, Điều 34 của Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

(chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố

môi trường trong Giấy phép môi trường này, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4. Thực hiện công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới UBND phường Mông Dương và Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Cẩm Phả; Tổ chức diễn tập ứng phó sự cố môi trường theo đúng quy định./.

PHỤ LỤC 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 675 /GPMT-UBND ngày 08 / 3 /2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không có.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

- Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện việc trồng cây xanh đảm bảo đúng diện tích theo báo cáo ĐTM được phê duyệt; giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.